TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2023
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa anh T và chị Th

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 20203 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Ánh T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 6, xã TT, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn A, xã A1, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

(Anh T và chị Th đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Lê Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/6/2020 do khi ấy cả anh và chị Th đều vào thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thành phố Hồ Chí Minh được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng suy nghĩ, tính cách làm cho mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, cả hai đã cố gắng để hòa hợp rất nhiều. Nhưng từ đầu năm 2021 đến nay mâu thuẫn trở

nên trầm trọng, anh chị đã sống ly thân với nhau. Anh đã chuyển về sinh sống và làm việc tại Thôn 6, xã TT, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi còn chị Th và con chung của anh chị đã nhập khẩu và sinh sống tại thôn A, xã A1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Từ đó đến nay cả hai không liên lạc, không quan tâm hỏi han đến nhau và cũng không thể cải thiện được tình cảm vợ chồng. Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân quá lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vợ chồng đã quá mâu thuẫn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Th có một con chung là cháu Lê Thiên P, sinh ngày 12/01/2021, do con chung dưới 3 tuổi và hiện nay đang ở với mẹ nên anh đề nghị Toà án giao cho chị Th nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung do hiện nay anh đang có khó khăn về mặt kinh tế.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị Th không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 29/3/2023, các đơn đề nghị và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện hoàn cảnh kết hôn chị nhất trí với những gì anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thành phố Hồ Chí Minh được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng suy nghĩ, tính cách. Từ đầu năm 2021 đến nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân với nhau. Chị và con đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn A, xã A1 sinh sống còn anh T chuyển về sinh sống tại Quảng Ngãi. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau. Nay anh T xin ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án ly hôn của chị và chị đồng ý ly hôn với anh Lê Ánh T.

Về con chung: Chị và anh Lê Ánh T có 01 con chung là Lê Thiên P, sinh ngày 12/01/2021. Ly hôn, do con chung dưới 36 tháng tuôi nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung do chị biết anh T đang có khó khăn về mặt kinh tế.

Về tài sản chung: Chị và anh Lê Ánh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 10/4/2023 Ủy ban nhân dân xã A1, huyện T1y cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau:

Chị Nguyễn Thị Th, sinh ngày 20/01/1995 có căn cước công dân số 034195002xxx là công dân có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống làm việc tại thôn A, xã A1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Anh T và chị Th không đăng ký kết hôn tại xã A1. Theo thông tin cơ sở thôn nắm được qua theo dõi tình hình tại địa phương

thì chị Th có chồng tên là Lê Ánh T, người Quảng Ngãi, có tổ chức đám cưới ở địa phương. Sau khi kết hôn chị Th và anh T không sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên từ khoảng năm 2021 thì chị Thcó đưa con trai về nhà bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Thanh S và chị Mai Thị Đ sinh sống do vợ chồng mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân. Theo địa phương nắm được thông tin thì nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có tình trạng vợ chồng mâu thuẫn cãi chửi nhau, ngoài ra còn mâu thuẫn nào khác hay không thì địa phương không nắm được tuy nhiên hiện nay cả hai đã sống ly thân, chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A sinh sống từ giữa năm 2021 đến nay. Về con chung: Do không đăng ký khai sinh ở xã nên địa phương không quản lý được thông tin về con chung của anh T và chị Th, tuy nhiên hiện nay có cháu Lê Thiên P, sinh ngày 12/01/2021 đã đăng ký thường trú tại thôn A, xã A1, huyện T1, tỉnh Thái Bình và được thể hiện thông tin là con của chị Th. Về tài sản chung và nợ chung giữa anh Tvà chị Th địa phương không nắm được. Hiện không có tổ chức, cá nhân nào phản ánh với địa phương về việc vay nợ với anh T và chị Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh Lê Ánh T ly hôn chị Nguyễn Thị Th; Về quan hệ con chung: Hiện con Lê Thiên P, sinh ngày 12/01/2021 dưới 36 tháng tuổi và đang ở cùng chị Th nên đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nên cần chấp nhận. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Th không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A1, huyện T1, tỉnh Thái Bình, hiện nay chị Th vẫn sinh sống tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/6/2020 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84 ngày 18/6/2020. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay anh T xin ly hôn, chị Th đề nghị Tòa án không hòa giải cho vợ chồng và cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Th đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, anh T cương quyết xin ly hôn, cần xử cho anh T được ly hôn chị Th là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Anh T và chị Thcó 01 con chung là Lê Thiên P, sinh ngày 12/01/2021. Hiện con chung đang ở cùng chị Th. Ly hôn, anh Tvà chị Th đều có nguyện vọng giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung do hiện con chung dưới 36 tháng tuổi và từ trước đến nay cháu vẫn được chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao con Lê Thiên Ph cho chị Thtrực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Th đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Ánh T ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi con Lê Thiên P, sinh ngày 12/01/2021. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Ánh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005283 ngày 29/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
-UBND phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh